ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 329 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 27 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư mới phía Tây Bắc đường tỉnh 517, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn (nay là xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hóa) của Công ty Cổ phần xây dựng công trình Đông Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường): Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2258/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư mới phía Tây Bắc đường tỉnh 517, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn (nay là xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hóa); số 4936/QĐ-UBND ngày 13/12/2024 về chấp thuận nhà đầu tư (cấp lần đầu ngày 13/12/2024);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 97/TTr-SNNMT ngày 19/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư mới phía Tây Bắc đường tỉnh 517, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn (nay là xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hóa) của Công ty Cổ phần xây dựng công trình Đông Sơn (chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Đồng Tiến đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án. Đặc biệt, việc xây dựng và đưa vào vận hành các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của dự án; xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Đồng Tiến, Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng công trình Đông Sơn; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NNMT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Văn Cường

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Khu dân cư mới phía Tây Bắc đường tỉnh 517, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn (nay là xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hóa)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư mới phía Tây Bắc đường tỉnh 517, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn (nay là xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hóa).

- Địa điểm thực hiện: Xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần xây dựng công trình Đông Sơn.

+ Người đại diện: Nguyễn Xuân Huy - Chức vụ: Giám đốc.

+ Địa chỉ: Lô C20 MBQH 4761, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Quy mô, công suất

Dự án Khu dân cư mới phía Tây Bắc đường tỉnh 517, xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn (nay là xã Đồng Tiến), tỉnh Thanh Hóa được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 với tổng diện tích khoảng 170.306,3 m^2 (không bao gồm Nhà văn hóa thôn Quần Nham 1 hiện trạng và tuyến đường đã được đầu tư xây dựng - Tuyến số 2 theo MBQH số 4158/QĐ-UBND ngày 06/11/2023). Theo Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của dự án, diện tích quy hoạch dự án là: 188.604,0 m^2.

Quy mô sử dụng đất:

- Đất ở mới có tổng diện tích 53.575,77 m^2 (Trong đó có 356 lô đất xây dựng nhà ở liền kề (ký hiệu: LK) diện tích 43.083,22 m^2 và 30 lô đất xây dựng nhà ở biệt thự (ký hiệu: BT) diện tích 10.492,55 m^2);

- Đất nhà sinh hoạt cộng đồng (ký hiệu: SHCD): Diện tích 2.153,09 m^2;

- Đất trường mầm non (ký hiệu: TMN): Diện tích 5.968,0 m^2;

- Đất thương mại dịch vụ (ký hiệu: TM): Diện tích 12.260,14 m^2;

- Đất cây xanh (ký hiệu: CX): Diện tích 16.932,52 m^2;

- Đất bãi đỗ xe (ký hiệu: P): Diện tích 13.615,94 m^2;

- Đất Trạm xử lý nước thải (ký hiệu: XLNT): Diện tích 3.495,86 m^2;

- Đất giao thông: Diện tích 62.304,98 m^2;

- Quy mô dân số dự kiến: Khoảng 2.600 người.

1.3. Công nghệ sản xuất

Dự án có tính chất chức năng là khu dân cư đô thị với chức năng chính bao gồm đất nhà ở liền kề, biệt thự, trường mầm non, khu thương mại dịch vụ, Nhà sinh hoạt cộng đồng và hạ tầng kỹ thuật đảm bảo kết nối đồng bộ với khu vực.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầu tư đồng bộ các công trình theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt, bao gồm các hạng mục công trình nêu trên.

- Sau khi đầu tư hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (Nhà sinh hoạt cộng đồng) của dự án, nhà đầu tư bàn giao lại các công trình này cho nhà nước quản lý, sử dụng theo quy định. Đối với khu đất xây dựng các công trình trường mầm non, thương mại dịch vụ: nhà đầu tư bàn giao lại khu đất này cho nhà nước quản lý và lựa chọn đầu tư theo quy định. Đối với các công trình nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự, sau khi đầu tư hoàn thành nhà đầu tư được quyền khai thác, kinh doanh theo quy định.

1.4. Phạm vi

Khu đất lập dự án có diện tích 170.306,3 m^2, thuộc địa giới hành chính xã Đồng Tiến, tỉnh Thanh Hoá. Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp đường giao thông theo quy hoạch.

- Phía Nam giáp dân cư hiện trạng và đường tỉnh 517.

- Phía Đông giáp dân cư hiện trạng và đất nông nghiệp.

- Phía Tây giáp đất nông nghiệp và đất cây xanh đô thị theo quy hoạch.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích 143.621,3 m^2, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các công trình và hoạt động giai đoạn thi công

Các tác động chính của dự án phát sinh trong giai đoạn xây dựng từ các hoạt động bóc lớp đất bề mặt của đất trồng lúa, thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật như: thi công san nền, thi công đường giao thông, thi công hệ thống cấp - thoát nước, thi công hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, thi công nhà văn hóa, thi công nhà xây thô hoàn thiện mặt ngoài, hoạt động vận chuyển

nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,...; tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

2.2. Các công trình và hoạt động giai đoạn vận hành

Các hoạt động sinh hoạt của người dân trong dự án, các hoạt động vệ sinh môi trường trong dự án phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt...tác động đến hoạt động tiêu thoát nước khu vực và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng 5,7 m^3/ngày (bao gồm nước thải vệ sinh tay chân 2,85 m^3/ngày; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) 2,55 m^3/ngày); nước thải ăn uống 0,3 m^3/ngày, chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,…

- Nước thải từ quá trình rửa thiết bị máy móc, rửa xe ra vào công trường là 19,4 m^3/ngày. Thành phần chứa nhiều cặn lơ lửng, dầu mỡ,…

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành:

Lưu lượng nước thải sinh hoạt là 387,6 m^3/ngày đêm. Nước thải tắm, rửa tay, giặt là 193,5 m^3/ngày, nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) là 116,9 m^3/ngày, nước thải ăn uống 77,2 m^3/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform, dầu mỡ…

3.1.2. Khí thải:

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bụi và khí thải (CO, SO_2, NO_2) từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lốp xe.

- Bụi và khí thải (CO, SO_2, NO_2) từ hoạt động đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, vệ sinh móng đường cấp phối, tưới nhựa dính bám; bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình; mùi hôi từ công trình xử lý nước thải và chất thải rắn; hoạt động xây dựng của các hộ gia đình. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần khí thải chủ yếu: NO_2, SO_2, CO,…

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại.

3.2.1 Chất thải rắn

3.2.1.1 Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: khoảng 53,0 kg/ngày, chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng: Đất bóc tầng đất mặt của đất trồng lúa khối lượng 28.724,26 m^3; Đất đào không thích hợp khối lượng 24.816,02 m^3; Bao bì xi măng 15.403,84 kg; Chất thải rắn xây dựng vật liệu rời như đất, cát, đá dăm…723,8tấn; Chất thải rắn gồm: mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại: 586,84 tấn; Vật liệu phá dỡ công trình cũ (kênh mương, đường bê tông) khối lượng khoảng 350 m^3.

3.2.1.2 Giai đoạn vận hành

- Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 4.257,31 kg/ngày đêm. Trong đó: Chất thải phát sinh từ các hộ gia đình là 3.120,0 kg/ngày đêm; Chất thải phát sinh từ nhà sinh hoạt cộng đồng; khu nhà thương mại dịch vụ và trường mầm non là 1.124,31 kg/ngày đêm.

- Chất thải rắn từ các hoạt động vệ sinh môi trường:

+ Chất thải rắn từ quét đường, làm đẹp cảnh quan khoảng 371,12 kg/ngày.

+ Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 136,5 kg/ngày.

+ Bùn cặn từ hoạt động nạo vét khơi thông cống rãnh thu thoát nước, hút bùn bể phốt (nhà sinh hoạt cộng đồng, trường mầm non, khu dịch vụ thương mại) ước tính khoảng 1.100,2 kg/lần. Tần suất nạo vét khơi thông cống rãnh và hút bể phốt 6 tháng/lần.

3.2.2. Chất thải nguy hại

3.2.2.1 Giai đoạn thi công

- Chất thải rắn nguy hại, gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa...khối lượng khoảng 10,0 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại khoảng 3.443,6 lít/toàn bộ giai đoạn thi công.

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại: Khối lượng rác thải nguy hại chiếm khoảng 0,1% tổng khối lượng rác thải sinh hoạt tương đương khoảng 4,25 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Đèn neon, ắc quy, pin, bình xịt muỗi, dầu nhớt thải...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- *Giai đoạn thi công:* Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

- *Giai đoạn vận hành:* Tiếng ồn của các phương tiện giao thông khu dân cư, khu dịch vụ thương mại...

3.4. Các tác động khác

+ Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chiếm dụng diện tích đất trồng lúa nước với diện tích 143.621,3 m^2 ảnh hưởng tới các hộ dân bị mất đất sản xuất nông nghiệp, đất canh tác, ảnh hưởng hoạt động tưới tiêu thủy lợi, khu vực.

- Các rủi ro, sự cố môi trường: Rủi ro, sự cố bom mìn tồn lưu; tai nạn lao động, giao thông; cháy nổ,...

- Tác động từ nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công 0,62 m^3/s, thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải…

+ Giai đoạn vận hành:

- Các rủi ro sự cố môi trường, tai nạn giao thông,…

- Tác động từ nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn ngày tại khu vực dự án có lưu lượng 1,43 m^3/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,…

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. ***Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải***

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

+ Đối với nước thải từ quá trình tắm giặt khoảng 2,85 m^3/ngày, thu gom về hố lắng nước thải có dung tích (5,0 x 2,5 x 2,0) m = 25,0 m^3 (cùng nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe) để loại bỏ chất cặn lắng. Nước thải sau lắng tận dụng để bơm chống bụi khu vực công trường thi công dự án. Nước thải sau lắng tái sử dụng một phần để chống bụi tại khu vực công trường, phần còn lại thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực.

+ Đối với nước thải từ nhà ăn có khối lượng là 0,3 m^3/ngày, thu gom dẫn vào 01 bể tách dầu mỡ dung tích (1,0 x 1,0 x 0,5) m = 0,5 m^3 bằng nhựa composite hoặc inox để lắng gạn dầu mỡ. Nước thải sau lắng được tái sử dụng một phần để chống bụi tại khu vực công trường, phần còn lại thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực. Váng dầu được đưa đi xử lý cùng chất thải sinh hoạt.

+ Đối với nước thải nhà vệ sinh có lưu lượng là 2,55 m^3/ngày, Đơn vị thi công thuê 6 nhà vệ sinh (nhà vệ sinh 21 buồng, mỗi nhà vệ sinh có bể chứa chất thải 1000 lít) để thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý 02 ngày/lần.

- Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải từ quá trình thi công xây dựng chủ yếu phát sinh từ hoạt động rửa thiết bị thi công, rửa xe trước khi ra khỏi công trường. Lượng nước này dự kiến khoảng 19,4 m^3/ngày, thu gom về 01 bể lắng có dung tích khoảng 25,0 m^3 (sử dụng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm), kích thước bể là D x R x H = (5,0 x 2,5 x 2,0) m, bể được chia làm hai ngăn bằng vách ngăn lửng, trong bể bố trí 1 phao quây thu váng dầu. Nước thải sau khi lắng chất rắn lơ lửng, thu váng dầu được tái sử dụng để vệ sinh thiết bị, máy móc thi công hoặc tận dụng để bơm chống bụi khu vực công trường thi công dự án. Váng dầu thu gom, lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại của dự án.

4.1.1.2 Giai đoạn vận hành

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải chung trong dự án. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom và đấu nối nước thải sinh hoạt từ các khu nhà xây thô, nhà sinh hoạt cộng đồng, trường mầm non, khu thương mại dịch vụ vào hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt chung của dự án. Lắp đặt đường ống chờ thu gom nước thải từ các lô đất đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của dự án.

+ Đối với các căn nhà xây thô xây dựng hoàn thiện bể tự hoại trong từng công trình và đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của dự án. Đối với nhà sinh hoạt cộng đồng xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước thải, công trình xử lý nước thải nội bộ (bể tự hoại, bể tách dầu mỡ) và đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của dự án để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Xây dựng các tuyến thu gom nước thải theo 2 phía tuyến đường N2, gồm:

* Nước thải sinh hoạt từ các công trình nhà ở và khu dịch vụ thương mại phía Đông tuyến đường N2 thu gom thông qua hệ thống ống nhánh UPVC D110 đấu nối vào các hố ga thu gom nước thải với khoảng cách trung bình giữa các hố

ga từ 20 - 40 m. Từ các hố ga, nước thải dẫn vào tuyến ống thu gom chính dọc theo vỉa hè khu dân cư, đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải thông qua tuyến ống HDPE D300 đi ngầm qua cống hộp BxH = (1,5x1,5) m ngang đường (hiện trạng).

* Nước thải sinh hoạt từ các công trình nhà ở, công trình hạ tầng xã hội (nhà sinh hoạt cộng đồng) và khu trường mầm non phía Tây tuyến đường N2 thu gom qua hệ thống ống nhánh và các hố ga thu gom dẫn trực tiếp vào tuyến ống thu gom chính bố trí dọc theo vỉa hè khu dân cư về hệ thống xử lý nước thải phía Tây Nam khu dân cư.

+ Xây dựng hoàn thiện trạm xử lý nước thải có công suất 400 m^3/ngày đêm tại khu đất phía Tây Nam dự án. Công nghệ xử lý nước thải: Bể thu gom (1 bể) → Thiết bị tách cát → Bể điều hoà (1 bể) → Bể anoxic (2 bể) → Bể hiếu khí – MBBR (2 bể) → Bể lắng sinh học (1 bể) → Bể khử trùng (1 bể) → Bể chứa bùn (1 bể) → Mương thoát nước chung dọc tuyến đường tỉnh 517 phía Nam của khu vực.

+ Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (cột B, lưu lượng xả thải F ≤ 2.000 m^3/ngày đêm) (theo đề xuất của chủ đầu tư) thoát ra mương thoát nước chung dọc tuyến đường tỉnh 517 phía Nam khu vực dự án. Toạ độ vị trí xả thải: X = 2185909,08 ; Y = 568359,29.

+ Sau khi hoàn thành xây dựng hạ tầng, các hồ sơ pháp lý của các hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chủ dự án bố trí nguồn kinh phí để vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải sau đó bàn giao cho Chính quyền địa phương để quản lý và vận hành. Việc bàn giao Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án cho địa phương chỉ được thực hiện khi các công trình và các thiết bị, tài sản liên quan đến việc vận hành công trình xử lý nước thải tập trung đảm bảo chất lượng, thủ tục giấy tờ pháp lý hợp pháp và hoạt động ổn định theo quy định.

- Trách nhiệm của chính quyền địa phương:

+ Tổ chức nhân lực thực hiện quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sau khi đã nhận bàn giao từ Chủ đầu tư.

+ Bố trí thu chi phí xử lý nước thải.

+ Hướng dẫn, giám sát các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đấu nối, thu gom nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung trong dự án.

+ Định kỳ nạo vét các mương rãnh thu gom nước mưa và các hồ lắng.

- Trách nhiệm của các nhà đầu tư thứ cấp, hộ dân trong phạm vi dự án:

+ Đối với các hộ gia đình ở khu liền kề, khu biệt thự đã được chủ đầu tư xây nhà thô: Giữ nguyên, không thay đổi hạng mục công trình bể tự hoại, hệ thống đường ống thu gom, đấu nối nước thải; lắp thiết bị tách dầu mỡ để xử lý nước thải nhà ăn.

+ Đối với khu đất xây dựng các công trình trường mầm non, thương mại dịch vụ: Các nhà đầu tư thứ cấp có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống thu gom, thoát nước thải, công trình xử lý nước thải nội bộ (bể tự hoại, bể tách dầu mỡ) bên trong và đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của dự án để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Tuân thủ việc phân dòng nước thải, không đấu nối nước mưa vào nước thải; Đảm bảo luôn sử dụng thiết bị chắn rác cho hệ thống đường ống thu gom nước thải tại cơ sở, hộ gia đình.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1 Giai đoạn thi công xây dựng

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian cho công nhân nghỉ ngơi hợp lý.

- Thi công đào đắp theo hình thức cuốn chiếu, không để tồn đọng trong khu vực thi công dự án để tránh việc phát tán bụi do gió và bùn đất bị rửa trôi do mưa gây ngập úng khu vực thi công, ắch tắc dòng chảy tuyến kênh mương tại khu vực.

- Sử dụng xe xitec dung tích 5,0 m^3 kết hợp máy bơm nước và ống dẫn nước mềm tưới nước làm ẩm khu vực công trường và trên tuyến đường tỉnh 517 giáp dự án với chiều dài khoảng 1500 m (750 m về mỗi phía tính từ cổng dự án nối với đường tỉnh 517, để giảm thiểu bụi trong khi thi công, vận chuyển. Tần suất tưới trung bình là 4 lần/ngày đối với những ngày không mưa, và tăng tần suất phun nước giảm bụi khi thấy có bụi phát sinh. Nước dùng để làm ẩm khu vực công trường được lấy từ nước sông Hoàng Giang cách dự án 1500 m về phía Đông Nam, hoặc tận dụng nước tại bể chứa nước vệ sinh thiết bị của dự án..

- Lắp dựng rào chắn bằng tôn cao 2,5 m, chiều dài 1.025 m dọc ranh giới khu đất giáp với đường tỉnh 517, khu dân cư phía Đông và phía Nam để giảm bụi phát sinh từ hoạt động thi công trên tuyến đường tỉnh 517 và khu dân cư.

- Bố trí khu vực rửa xe chuyên dụng bằng vòi nước áp lực cao tại khu vực cổng ra vào công trường. Quá trình thi công sử dụng xe vận chuyển có tải trọng lớn nhất 12 tấn, chiều dài tối đa 10 m, chiều rộng 2,5 m. Khu vực rửa xe thiết kế dạng sàn rửa được bố trí dàn phun áp lực cao dạng tia đa góc ở hai bên. Khu vực rửa xe có diện tích 100 m^2 (rộng 5,5 m, dài 18 m), được xử lý nền bằng bê tông và gia cố móng bằng cấp phối đá dăm đầm chặt, đảm bảo chịu tải trọng xe ra vào. Xung quanh khu vực rửa xe bố trí rãnh thu nước thải kích thước DxRxH = (60 x 0,10 x 0,15) m để dẫn vào bể lắng. Hố lắng có dung tích V = 25,0 m^3, kích thước DxRxH = (5,0 x 2,5 x 2,0) m lót đáy và thành bằng bạt HDPE để chống thấm, trong hố lắng được bố trí phao quây thu váng dầu. Nước thải được dẫn

vào hố lắng để lắng chất rắn lơ lửng, thu váng dầu sau đó tái sử dụng để vệ sinh thiết bị, máy móc thi công hoặc tận dụng bơm chống bụi khu vực công trường thi công dự án. Váng dầu thu gom sẽ được lưu giữ và xử lý cùng chất thải nguy hại của dự án. Phân công 01 công nhân thường trực vận hành, trong trường hợp lưu lượng xe lớn, bố trí tăng cường thêm 01 công nhân để hỗ trợ.

- Cử người quét dọn sạch tuyến đường nếu quá trình vận chuyển làm rơi vãi vật liệu, chất thải xuống đường.

- Điều tiết xe phù hợp để tránh làm gia tăng mật độ xe, nhất là vào các giờ cao điểm trong ngày.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Lắp đặt lưới chắn bụi xung quanh các công trình nhà cao tầng trong quá trình thi công, chiều cao của lưới phủ luôn cao hơn chiều cao của công trình.

4.1.2.2 Giai đoạn vận hành

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

Trồng cây xanh khu vực công viên theo đúng các vị trí quy hoạch; Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường (hố trồng cây bố trí vào giữa 2 lô đất); Bố trí hệ thống xử lý mùi tại trạm xử lý nước thải.

- Trách nhiệm của chính quyền địa phương:

Thành lập tổ vệ sinh môi trường thực hiện công tác vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, quét dọn vệ sinh đường giao thông và khuôn viên các công trình công cộng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật, khơi thông cống rãnh định kỳ trong dự án; Có biện pháp quản lý việc vận chuyển nguyên vật liệu và công tác xây dựng của các hộ gia đình trong dự án nhằm hạn chế tối đa việc rơi vãi vật liệu xây dựng ra đường.

- Trách nhiệm của các hộ dân và đơn vị quản lý khu thương mại dịch vụ, trường mầm non:

Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà; Để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm; Không đốt rác thải, phế thải trong khu dân cư; Đối với khu vực nhà bếp phải trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường; Bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt; Các hộ dân, chủ đầu tư thứ cấp khi xây dựng nhà cửa, công trình phải có biện pháp thu gom, quản lý vật liệu; Hạn chế rơi vãi, phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh; Khi vận chuyển nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công dự án, yêu cầu nhà cung cấp phủ bạt kín, chở đúng tải trọng xe theo quy định; Tiến hành phun tưới nước làm ẩm mặt đường,

vỉa hè khu vực trước phần đất của mình trong những ngày hanh nóng nhằm hạn chế một phần bụi, đất cát có thể theo gió phát tán vào không khí.

4.2. Công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1 Công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn

4.2.1.1 Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương có tay nghề xây dựng vào làm việc tại công trường để hạn chế lượng rác thải phát sinh tại công trường thi công.

+ Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn: Rác thải sinh hoạt có thể tái chế và rác thải sinh hoạt không tái chế. Chất thải rắn sinh hoạt không tái chế: thu gom riêng vào các thùng 50 lít (02 thùng) và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định, với tần suất 1 lần/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế thu gom riêng vào thùng nhựa composite 120 lít (01 thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Xây dựng kế hoạch quản lý và sử dụng nguyên vật liệu hợp lý; hạn chế tối đa rơi vãi vật liệu khi vận chuyển, tập kết đúng vị trí.

+ Đá, cát rơi vãi trong quá trình xây dựng có khối lượng 723,8 tấn: thu gom, tận dụng làm vật liệu san nền.

+ Chất thải rắn xây dựng như ván gỗ, sắt thép, bê tông, gạch vỡ… có khối lượng khoảng 586,84 tấn: Sau khi thu gom, phân loại, xử lý như sau: Đối với các loại có thể tái chế được như sắt thép, gỗ, tận dụng bán phế liệu; với các loại vật liệu từ xây dựng như bê tông, gạch vỡ, thu gom, tận dụng cho san lấp hoặc cán nền cho các hạng mục công trình xây dựng.

+ Đối với vật liệu từ hoạt động phá dỡ công trình cũ (kênh mương, đường bê tông) có khối lượng khoảng 350 m^3: tận dụng để san lấp các công trình kiến trúc trong dự án.

+ Đối với bao bì xi măng, khối lượng phát sinh 15.403,84 kg trong quá trình thi công xây dựng: thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

+ Đối với đất đào bóc tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa có khối lượng 28.724,26 m^3: tận dụng một phần (9.415,37 m^3) tại khu vực quy hoạch trồng cây trong dự án, phần còn lại 19.308,892 m^3 sử dụng để tôn cao độ dày tầng canh tác đất nông nghiệp theo phương án đã được chấp thuận tại Văn bản số: 6005/UBND-NN ngày 31/12/2024 của UBND huyện Triệu Sơn. Khu vực cải tạo đất được lựa chọn là khu đất nông nghiệp đang canh tác đất trồng lúa của xã

Đồng Tiến tại các thửa đất từ số 382 đến 573 thuộc tờ bản đồ số 16, bản độ địa chính xã Đồng Lợi được đo vẽ năm 2011 *(nay là xã Đồng Tiến).*

+ Đối với đất không thích hợp có khối lượng 24.816,02 m^3 tận dụng đổ san nền tại 159 lô đất ở tại các tuyến đường số 1, số 2 theo Công văn số 807/UBND-CN ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh.

4.2.1.2 Giai đoạn vận hành

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

+ Trang bị các thùng rác dung tích từ 100 lít/thùng (trang bị lần đầu) (gồm: các thùng chứa chất thải trơ, các thùng chứa chất thải dễ phân hủy và các thùng chứa chất thải tái chế) có nắp đậy kín đặt tại nơi công cộng (dọc trục đường giao thông nội bộ, khu vực bãi đỗ xe, nhà văn hóa) để thu gom rác thải;

+ Bố trí 02 khu vực tập kết chất thải tập trung với diện tích mỗi khu vực khoảng 40 m^2 gần với khu vực đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải. Khu vực tập kết chất thất thải tạm thời bố trí mái che bằng tôn và có rãnh thu gom nước thải từ chất thải rắn vào hệ thống thu gom và thoát nước thải dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý.

- Trách nhiệm của chính quyền địa phương:

+ Quản lý, giám sát quá trình hoạt động thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải (gồm: chất thải nguy hại, chất thải trơ, chất thải dễ phân hủy) đưa đi xử lý. Thành lập, tổ chức, quản lý điều hành tổ vệ sinh môi trường.

+ Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nâng cao nhận thức người dân về thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn.

+ Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn thường xuyên quét dọn, thu gom rác thải tại các khu vực: đường giao thông, công viên, khu nhà sinh hoạt cộng đồng…thuộc khu vực dự án. Thường xuyên phun chế phẩm khử mùi tại khu tập kết rác thải sinh hoạt để giảm mùi hôi từ bãi tập kết rác tạm; nạo vét thường xuyên, hạn chế ách tắc dòng chảy, bốc mùi hôi thối, ảnh hưởng đến môi trường (đối với hệ thống cống rãnh, bùn bể tự hoại khu vực công cộng).

- Trách nhiệm của các hộ dân và các đơn vị quản lý khu thương mại dịch vụ, trường mầm non, nhà sinh hoạt cộng đồng:

+ Các hộ gia đình, các đơn vị quản lý Khu thương mại dịch vụ, trường mầm non phải có biện pháp thu gom, thuê đơn vị vận chuyển xử lý chất thải thi công phát sinh tại công trình.

+ Không tập kết rác ra vỉa hè, lòng đường.

+ Thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn, trang bị các thùng chứa rác để thu gom rác thải sinh hoạt.

+ Tập kết rác đúng thời gian quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường, không xả rác ra môi trường, nơi công cộng.

+ Nộp phí xử lý rác thải đầy đủ cho đơn vị thu gom xử lý.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH

4.2.2.1 Giai đoạn thi công xây dựng

- Với chất thải nguy hại dạng rắn: Trang bị tối thiểu 02 thùng chứa dung tích 240 lít/thùng có dán nhãn mác theo đúng quy định để chứa đựng chất thải dính dầu mỡ tại khu vực bảo dưỡng kho chứa tại mỗi một khu vực lán trại.

- Với chất thải nguy hại dạng lỏng: Trang bị tối thiểu 02 thùng chứa dung tích 500 lít/thùng có dán nhãn mác theo đúng quy định để chứa đựng chất thải dính dầu mỡ tại khu vực bảo dưỡng kho chứa tại khu vực lán trại.

- Chủ dự án, đơn vị thi công sẽ Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý CTNH mỗi năm 1 lần và sau khi kết thúc xây dựng dự án theo đúng quy định.

4.2.2.2 Giai đoạn vận hành

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

+ Trang bị 02 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng có dung tích 500 lít, để lưu chứa riêng biệt chất thải nguy hại dạng rắn, chất thải nguy hại dạng lỏng, chất thải nguy hại dễ vỡ (Chủ đầu tư trang bị lần đầu).

+ Bố trí khu vực tập kết chất thải nguy hại (cạnh nhà sinh hoạt cộng đồng) diện tích 4 m^2 có mái che, nền đổ bê tông cao 20 cm, có gờ xung quanh tránh tràn để tập kết chất thải tạm thời chất thải nguy hại.

- Trách nhiệm của Chính quyền địa phương:

+ Bổ sung các thùng chuyên dụng để lưu chứa chất thải nguy hại khi bị hư hỏng.

+ Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT - BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường cho người dân, để thu gom chất thải nguy hại chuyển vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Trách nhiệm của các hộ dân và đơn vị quản lý khu thương mại dịch vụ hỗn hợp, trường mầm non:

+ Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và bỏ vào các thùng đựng CTNH do Chủ đầu tư bố trí.

+ Thực hiện phân loại chất thải nguy hại, tập kết đúng nơi quy định.

+ Nộp phí xử lý rác thải đầy đủ cho đơn vị thu gom xử lý (nếu có).

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1 Giai đoạn thi công

- Vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cần phải tránh vận hành cùng một lúc để không làm tăng nguồn ồn vượt giới hạn cho phép theo hướng dẫn của Việt Nam. Bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; Công nhân thi công phải được trang bị trang thiết bị hạn chế hoặc chống ồn.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích luỹ ở mức thấp nhất; Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5,0 km/h.

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời gần các khu vực nhạy cảm với độ rung.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường; máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo.

4.3.2 Giai đoạn vận hành

- Hạn chế tốc độ các phương tiện trong khu dân cư, công cộng.

- Kiểm soát những thiết bị gây tiếng ồn ở nơi công cộng, công sở.

- Kiểm soát tiếng ồn từ các hộ dân do hoạt động đông người gây ồn ào xung quanh.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1 Giai đoạn thi công

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn, tiêu thoát nước:

+ Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm có kích thước = (0,4 x 0,4) m theo chiều ngang khu đất, khoảng cách giữa các rãnh tạm là 30 m. Trên các rãnh tạm bố trí các hố ga tạm có kích thước (1 x 1 x 1) m để lắng bùn đất, khoảng cách giữa các hố gas 50 m/hố ga. Nước mưa được thu gom và dẫn vào hệ thống mương thoát nước phía Nam khu đất dự án.

+ Chất thải sinh hoạt: thu gom triệt để, tránh để các loại chất thải bị nước mưa cuốn vào nguồn nước.

+ Thực hiện san gạt, lu lèn ngay sau khi trút đổ san nền đảm bảo kỹ thuật để giảm lượng bùn đất cuốn theo nước mưa.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố sụt lún, nứt, đổ công trình

+ Sử dụng các phương tiện và thiết bị các máy lu, đầm, đào, xe có tải trọng đúng theo thiết kế. Đối với những vị trí thi công gần các cống, gần các công trình xây dựng khi thực hiện thi công sử dụng đầm cóc thay cho máy lu để hạn chế tác động đến công trình.

+ Trong suốt quá trình vận chuyển, thực hiện chở đúng tải trọng xe, không chở quá khổ quá tải theo quy định của tuyến đường di chuyển.

+ Thi công ép cọc đúng kỹ thuật, đúng tải trọng và kích thước cọc, khoảng cách giữa các cọc. Thường xuyên theo dõi địa chất khu vực xung quanh vị trí ép cọc trong quá trình ép cọc bê tông. Nếu phát hiện có hiện tượng sạt lở, nở, phồng mặt đất xung quanh sẽ dừng ngay quá trình thi công để xem xét đánh giá khả năng tác động của quá trình thi công. Chỉ tiếp tục thi công khi được đánh giá là an toàn.

+ Đối với khu vực có các hộ dân sinh sống gần tuyến đường vận chuyển (có khả năng bị ảnh hưởng) và các hộ dân tiếp giáp khu vực dự án. Trước khi thực hiện dự án, chủ dự án và các đơn vị thi công phối hợp với chính quyền địa phương và người dân sẽ kiểm tra cụ thể về hiện trạng chất lượng công trình, để làm căn cứ xác định ảnh hưởng của thi công dự án nếu có. Trong quá trình kiểm tra, lập biên bản kèm ảnh chụp hiện trạng công trình làm căn cứ để xác định ảnh hưởng khi thi công.

+ Trường hợp xảy ra sự cố lún, nứt, sập công trình do thi công dự án, chủ dự án, đơn vị thi công, chính quyền địa phương và người dân cùng xem xét nguyên nhân xảy ra sự cố và có phương án xử lý phù hợp.

4.4.2 Giai đoạn vận hành

a. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn

- Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

+ Thi công xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước mưa theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, đảm bảo thu gom tiêu thoát hết nước mưa cho khu dân cư, cũng như khu dân cư hiện trạng trong phạm vi quy hoạch dự án.

+ Toàn bộ nước mưa được thu gom bằng hệ thống thoát nước mưa trong khu dân cư và cuối cùng thoát vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực.

+ Các hố gas được thiết kế theo loại hộp giữ nước và có lưới chắn rác, nắp và lưới chắn rác sử dụng bằng gang đúc sẵn tạo mỹ quan.

+ Sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng của dự án, Chủ đầu tư phải tổ chức nghiệm thu bàn giao đầy đủ cho chính quyền địa phương công trình hệ thống thu gom thoát nước mưa và đấu nối nước mưa vào hệ thống thoát nước chung của khu vực để quản lý vận hành.

- Trách nhiệm của chính quyền địa phương

+ Sau khi tiếp nhận lại toàn bộ hệ thống thu gom, thoát nước mưa dự án phải định kỳ thuê đơn vị chức năng nạo vét, khơi thông và cải tạo hệ thống tiêu thoát nước mưa khi bị hư hỏng xuống cấp, đảm bảo công tác tiêu thoát nước mưa.

+ Hướng dẫn, giám sát các hộ gia đình, cá nhân đấu nối, thu gom thoát nước mưa vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa chung trong dự án.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố vỡ đường ống cấp nước, trạm xử lý nước thải.

- Chủ dự án có trách nhiệm thi công, lắp đặt đường ống cấp nước phải đảm bảo tiêu chuẩn hiện hành; Trang bị các thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi có hỏng hóc thiết bị phục vụ vận hành trạm xử lý nước thải; trang bị máy thổi khí dự phòng để có thể chạy luân phiên.

- Chính quyền địa phương có trách nhiệm (sau khi nhận bàn giao công trình) thường xuyên theo dõi vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý, tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải; thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động khi có sự cố; thiết lập chương trình quan trắc thích hợp cho trạm xử lý nước thải; giám sát vận hành hàng ngày và thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

Trường hợp xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải, tạm dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải để kiểm tra; khóa chặn các van tại các bể chứa thành phần để tăng thể tích lưu chứa nước thải. Sau khi khắc phục xong, mở các van tại các bể chứa thành phần để nước thải được tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, lưu lượng xả thải F $\leq$ 2.000 m^3/ngày đêm) (theo đề xuất của chủ đầu tư) trước khi thoát ra môi trường.

c. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Yêu cầu các hộ dân sử dụng tuân thủ các biện pháp an toàn về điện, gas trong sinh hoạt hàng ngày và hướng dẫn cho người dân các kỹ năng cơ bản về phòng cháy, chữa cháy.

- Chủ dự án lập phương án chữa cháy, thoát nạn trình cấp có thẩm quyền thẩm duyệt hoặc phê duyệt theo quy định và thực hiện theo phương án được thẩm duyệt, phê duyệt; lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, thiết bị phòng cháy và chữa cháy cho các công trình của Dự án, đảm bảo chất lượng; đảm bảo thường trực nguồn nước chữa cháy.

- Chính quyền địa phương có trách nhiệm định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị ứng phó cháy nổ, đảm bảo các thiết bị luôn ở trạng thái hoạt động tốt để công tác ứng phó sự cố cháy nổ được thực hiện an toàn; ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, công nhân viên tham gia vận hành Dự án; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Chương trình giám sát chất lượng môi trường trong quá trình thi công xây dựng

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Văn bản hợp nhất Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải trong giai đoạn thi công.

5.2. Chương trình giám sát chất lượng môi trường trong quá trình hoạt động

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Văn bản hợp nhất Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải định kỳ.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lắp đặt hệ thống, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, dữ liệu và kết quả tính toán.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động, ảnh hưởng bất lợi đến cảnh quan, hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp, hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án; đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 14: 2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và các quy chuẩn hiện hành khác, yêu cầu của địa phương về bảo vệ môi trường.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, xây dựng; thực hiện kịp thời công tác phục hồi, hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa vật liệu tạm, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ nguồn nước, khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; đảm bảo các quy phạm kỹ thuật có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường; chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh trong khuôn viên Dự án, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và và khoản 9, Điều 1, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.